

THỰC TRẠNG QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ TÀI SẢN GÓP VỐN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

LÊ THỊ DUNG*

Tóm tắt: Tài sản góp vốn là một trong những yếu tố quan trọng trong hoạt động đầu tư FDI của nhà đầu tư nước ngoài. Bài viết nghiên cứu và phân tích quy định pháp luật Việt Nam hiện hành về tài sản góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài. Trên cơ sở đánh giá thực trạng quy định của pháp luật, tác giả đề xuất một số giải pháp hoàn thiện pháp luật liên quan đến tài sản góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài nhằm phù hợp với sự thay đổi của tình hình thực tiễn.

Từ khóa: Tài sản góp vốn, nhà đầu tư nước ngoài, pháp luật Việt Nam

Ngày nhận bài: 15/9/2023; Biên tập xong: 13/10/2023; Duyệt đăng: 26/10/2023

CURRENT LEGAL REGULATIONS ON CAPITAL CONTRIBUTION OF FOREIGN INVESTORS

Abstract: Capital contribution is one of important factors in FDI investment activities of foreign investors. The paper researches and analyzes current Vietnamese legal regulations on capital contribution of foreign investors, thereby proposes a number of solutions to improve the law related to this matter in accordance with changes in the practical situation.

Keywords: Capital contribution assets, foreign investor, Vietnamese legal

Received: Sep 15th, 2023; Editing completed: Oct 13th, 2023; Accepted for publication: Oct 26th, 2023

1. Nhận thức chung về một số loại tài sản góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành

Tài sản góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài là các nguồn tài chính hoặc quyền sở hữu khác mà nhà đầu tư nước ngoài đưa vào dự án đầu tư tại quốc gia tiếp nhận. Các tài sản góp vốn này thường được nhà đầu tư nước ngoài đưa vào để thực hiện dự án kinh doanh, đầu tư vào doanh nghiệp, hoặc tham gia các hoạt động sản xuất và kinh doanh. Các tài sản góp vốn phổ biến ở một số quốc gia được ghi nhận như:

(i) **Tiền mặt:** Đây là một trong những hình thức phổ biến và đơn giản nhất khi nhà đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư vào một dự án hoặc doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận. Khi nhà đầu tư nước ngoài quyết định góp vốn vào một dự án,

họ có thể đưa tiền mặt vào dự án đó để đạt được tỷ lệ sở hữu tương ứng. Tiền mặt có thể được sử dụng cho các mục đích như thanh toán nguồn vốn đầu tư ban đầu, sử dụng hỗ trợ hoạt động kinh doanh của dự án, tăng vốn hoặc mở rộng hoạt động của dự án hoặc dùng để chi trả lãi suất hoặc cổ tức cho nhà đầu tư. Tiền mặt được ghi nhận là một hình thức góp vốn đầu tư linh hoạt, đặc biệt là trong các dự án mới hoặc các lĩnh vực đầu tư đòi hỏi thanh toán nhanh chóng và hiệu quả.

(ii) **Tài sản vật chất:** Đây là một trong các hình thức phổ biến mà nhà đầu tư nước ngoài có thể đưa vào dự án hoặc doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận. Tài sản góp vốn vật chất bao gồm các tài sản

* Email: El.siglaw@gmail.com

Thạc sĩ, Luật sư, Giám đốc điều hành Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Siglaw. Nghiên cứu sinh Trường Đại học Luật Hà Nội

tồn tại ở dạng vật chất như máy móc, thiết bị, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng và các tài sản khác có giá trị trong hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc dịch vụ của dự án hoặc doanh nghiệp. Khi nhà đầu tư nước ngoài quyết định góp vốn bằng tài sản vật chất, những tài sản này sẽ được cung cấp cho dự án hoặc doanh nghiệp tại quốc gia tiếp nhận và được sử dụng để thực hiện hoạt động kinh doanh, hỗ trợ cải thiện và nâng cao hiệu suất sản xuất và tối ưu công nghệ. Tuy nhiên, loại tài sản này thường cần được định giá giá trị tài sản để xác định giá trị đầu tư, quá trình này có thể thông qua một tổ chức có chức năng định giá chuyên nghiệp thực hiện để đảm bảo tính chính xác, chuyên môn, và khách quan của việc xác định giá trị vốn góp.

(iii) *Quyền sở hữu trí tuệ*: Đây là những tài sản vô hình, không thể nhìn thấy hoặc chạm vào, nhưng có giá trị kinh tế cao do mang tính sáng tạo và duy nhất. Góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ có thể tồn tại dưới nhiều hình thức như bằng sáng chế, nhà đầu tư có thể sử dụng tài sản góp vốn này như một sự đảm bảo về tính đột phá và khác biệt trong sản phẩm, công nghệ của dự án. Nhãn hiệu cũng là một trong những tài sản góp vốn nhằm mục đích tăng cường xây dựng danh tiếng và phủ rộng thị trường kinh doanh hoặc góp vốn bằng bản quyền, các loại giấy phép và chứng chỉ có giá trị cũng là một trong những loại tài sản góp vốn có tính cạnh tranh và độc đáo. Tuy nhiên, nhà đầu tư cần nghiên cứu chính sách của quốc gia tiếp nhận đầu tư liên quan đến loại tài sản góp vốn này, đảm bảo tính tuân thủ pháp luật của quốc gia tiếp nhận. Góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ cũng cần phải được định giá giá trị tài sản góp vốn trước khi sử dụng góp vốn đầu tư. Điều này đảm

bảo tính chính xác, minh bạch, khách quan đầu tư khi góp vốn.

(iv) *Quyền sử dụng đất*: Quyền sử dụng đất là một yếu tố quan trọng trong đầu tư và kinh doanh, đặc biệt đối với các dự án liên quan đến bất động sản, năng lượng và sản xuất công nghiệp. Nhà đầu tư cần tuân thủ quy định về góp vốn đầu tư với loại tài sản này và quy trình định giá xác định giá trị tài sản góp vốn theo quy định pháp luật quốc gia tiếp nhận đầu tư.

(v) *Cổ phần và vốn góp vào doanh nghiệp*: Nhà đầu tư có thể đưa vào cổ phần (cho các doanh nghiệp công cổ phần) hoặc vốn góp (cho các doanh nghiệp có hình thức liên doanh, hợp tác đầu tư, hoặc 100% vốn nước ngoài). Nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc góp cổ phần hoặc vốn góp vào doanh nghiệp có thể tham gia vào quản lý và ra quyết định trong hoạt động của doanh nghiệp, từ đó đảm bảo quyền lợi và sở hữu trong doanh nghiệp đó. Việc góp vốn bằng hình thức này cũng cần tuân thủ các quy định pháp luật của quốc gia tiếp nhận đầu tư và được sự chấp thuận của doanh nghiệp nhận nguồn vốn góp.

2. Thực trạng quy định pháp luật về tài sản góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài

Các quy định pháp luật liên quan đến tài sản góp vốn được quy định chi tiết tại Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 105, 106 và 107 của Bộ luật Dân sự năm 2015 như sau:

(i) *Góp vốn bằng tiền mặt*: Tiền mặt là hình thức góp vốn đơn giản và dễ dàng nhất trong số các loại tài sản góp vốn được ghi nhận theo quy định pháp luật Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, việc góp vốn bằng tiền mặt cần phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối và nguồn

vốn đầu tư, cụ thể như sau: (i) Tiền mặt góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện góp vốn vào Việt Nam phải được chuyển đổi thành đồng Việt Nam, hoặc ngoại tệ nào mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp nhận, và phải được nộp vào tài khoản vốn của doanh nghiệp nhận vốn góp; (ii) Việc chuyển vốn đầu tư sang Việt Nam phải thông qua một tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam, tiền đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được chuyển vào tài khoản vốn của doanh nghiệp nhận vốn góp mở tại tổ chức tín dụng đó¹; (iii) Trong trường hợp nhà đầu tư muốn chuyển lợi nhuận, lợi tức hay các khoản thu được từ hoạt động đầu tư tại Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài cần tuân thủ các quy định hoàn thành các nghĩa vụ tài chính, thuế của doanh nghiệp tại Việt Nam, và các quy định về quản lý ngoại hối của pháp luật Việt Nam.

(ii) Góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất: Các loại tài sản góp vốn không phải là tiền mặt này đều phải được định giá bởi một cơ quan tổ chức định giá được chấp thuận bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nhà đầu tư nước ngoài là đối tượng bị hạn chế quyền sở hữu và sử dụng đối với tài sản là bất động sản, nên hoạt động góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài đối với tài sản này sẽ phải tuân theo các quy định tại Luật đất đai, Luật kinh doanh bất động sản và các quy định pháp lý khác liên quan²...

(iii) Góp vốn bằng quyền sở hữu trí

¹ Nhà đầu tư nước ngoài được phép góp vốn bằng ngoại tệ nào? Nguồn: <https://baohinhphu.vn/nha-dau-tu-nuoc-ngoai-duoc-phep-gop-von-bang-ngoai-te-nao-102220628144326251.htm>, truy cập ngày 5/9/2023.

² Điều kiện, thủ tục góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Nguồn: <https://baohinhphu.vn/dieu-kien-thu-tuc-gop-von-bang-quyen-su-dung-dat-102230713130517924.htm>, truy cập ngày 05/9/2023.

tuệ: Nhà đầu tư nước ngoài được phép góp vốn đầu tư vào Việt Nam bằng quyền sở hữu trí tuệ để thực hiện hoạt động đầu tư quyền sở hữu trí tuệ. Theo khoản 1 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 thì: “Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng”. Một số quy định chính liên quan đến việc góp vốn bằng quyền sở hữu trí tuệ như sau: (i) Quy định về định giá: Giá trị của quyền sở hữu trí tuệ phải được xác định thông qua một tổ chức định giá độc lập; (ii) Thông báo cho cơ quan quản lý: Nhà đầu tư phải có trách nhiệm thông báo cho cơ quan quản lý đầu tư có thẩm quyền nắm bắt được các thông tin trên khi thực hiện hoạt động góp vốn; (iii) Chứng minh quyền sở hữu: Nhà đầu tư phải có đầy đủ cơ sở pháp lý chứng minh được rằng họ có đầy đủ quyền và sở hữu quyền sở hữu trí tuệ và họ muốn sử dụng quyền đó để thực hiện hoạt động góp vốn đầu tư tại Việt Nam; (iv) Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ: Đối với tài sản là quyền sở hữu trí tuệ, việc bảo vệ quyền sở hữu là rất quan trọng. Chủ đầu tư cần nắm bắt được các quy định pháp luật liên quan để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình được tốt nhất. Về cơ bản, quyền sở hữu trí tuệ của nhà đầu tư nước ngoài sẽ được bảo vệ theo quy định của pháp luật Việt Nam và các hiệp định quốc tế mà Việt Nam là thành viên³.

(iv) Góp vốn bằng công nghệ và bí quyết kỹ thuật: Pháp luật Việt Nam ghi

³ Đoàn Thu Hồng, *Góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2012. Nguồn: https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/7131/1/00050001964.pdf, truy cập ngày 05/9/2023

nhận công nghệ được xem như là một hình thức tài sản có thể được sử dụng để góp vốn đầu tư. Nhà đầu tư chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao sang bên nhận công nghệ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn hình thức chuyển giao độc quyền hoặc không độc quyền sử dụng công nghệ; quyền được chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ của bên nhận chuyển giao cho bên thứ ba. Đặc biệt, sau khi góp vốn bằng giá trị quyền chuyển giao công nghệ thì thành viên hoặc cổ đông sáng lập không còn là chủ sử dụng đối với loại tài sản trên, mà nó sẽ thuộc về công ty nhận vốn góp. Giá trị của công nghệ trên được xác định dựa trên giá trị thị trường, thông qua đấu giá hoặc thẩm định giá hoặc một phương pháp khác theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư khi thực hiện việc góp vốn bằng công nghệ cần tuân thủ các quy định pháp luật về chuyển giao công nghệ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và không vi phạm về quy định công nghệ nằm trong danh mục bị hạn chế chuyển giao. Việc chuyển giao công nghệ phải được lập thành hợp đồng hoặc thể hiện dưới hình thức hợp đồng, thông qua các điều khoản hoặc phụ lục của hợp đồng⁴. Một ví dụ điển hình về góp vốn công nghệ như: Ông B là nhà phát minh và có bằng sáng chế cho công nghệ mà ông phát minh ra được. Ông B muốn thành lập công ty khởi nghiệp với 03 người bạn, sử dụng công nghệ và bằng sáng chế của ông là một phần vốn góp cho giá trị góp vốn ban đầu. Như vậy, để xác định giá trị của công nghệ ông B có và bằng sáng chế này, cần thông qua

một đơn vị thẩm định giá chuyên nghiệp, và được các cổ đông còn lại cùng đồng ý. Cũng giống như quy trình góp vốn bằng công nghệ, góp vốn bằng kỹ thuật chính là việc chuyển giao các quyền tài sản khác cho doanh nghiệp. Đây được hiểu là một hình thức quyền sở hữu trí tuệ có thể được sử dụng để góp vốn vào doanh nghiệp. Bí quyết kỹ thuật chính là các bí mật thương mại, có thể bao gồm các công thức, phương pháp, quy trình hoặc các thông tin khác có giá trị thương mại mà chủ sở hữu đã sử dụng các biện pháp cần thiết để giữ bí mật. Góp vốn bằng bí quyết kỹ thuật cũng cần được thẩm định giá trị và được các thành viên/cổ đông sáng lập khác đồng thuận trước khi đưa vào góp vốn đầu tư. Một ví dụ về góp vốn bằng bí quyết kỹ thuật: Nhà hàng A có sở hữu công thức chế tạo nước sốt đặc biệt cho một món ăn rất được ưa chuộng trên thị trường. Nhà hàng A muốn góp vốn đầu tư với ông B mở một nhà hàng mới, trong đó có món ăn sử dụng sốt đặc biệt này. Nhà hàng A muốn góp vốn đầu tư bằng chính bí quyết pha chế sốt của mình và được ông B đồng ý. Nhà hàng A đã thuê một công ty thẩm định tài sản để định giá giá trị về bí quyết thương mại của nhà hàng A và làm cơ sở góp vốn đầu tư.

Thực tiễn quy định những tài sản góp vốn trên cho thấy, với những loại tài sản góp vốn được ghi nhận như hiện tại, có vẻ như đang có sự thiếu sót, chưa khai thác triệt để được hiệu quả trong việc quy định các loại tài sản góp vốn. Điều này đang vô hình chung làm hạn chế đi các khả năng thu hút đầu tư, không đảm bảo được các quyền lợi tối đa cho các nhà đầu tư khi sử dụng các nguồn tài sản để thực hiện việc góp vốn. Đồng thời, với chính sách hiện tại, chưa khai thác hết được những tiềm năng tài sản góp vốn thông qua một

⁴ Rủi ro, bất cập khi khai thác công nghệ thông qua hình thức góp vốn. Nguồn: <https://phaply.net.vn/rui-ro-bat-cap-khi-khai-thac-cong-nghe-thong-qua-hinh-thuc-gop-von-a252797.html>, truy cập ngày 05/9/2023.

số loại hình “tài sản” khác có thể dùng trong đầu tư. Điều này sẽ bó hẹp lại khả năng mở rộng đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài. Do đó, cần thiết phải có các cơ chế, chính sách ghi nhận bổ sung các loại tài sản cần thiết sử dụng cho việc góp vốn đầu tư, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và tình hình kinh tế thị trường hiện tại. Thực tiễn hoạt động cho thấy, một số loại tài sản có thể sử dụng góp vốn đầu tư hiện nay như tài sản có giá trị trong tương lai, hợp đồng và quyền sử dụng tài sản, góp vốn bằng giá trị lao động chất lượng cao chưa được pháp luật quy định. Do vậy, để tạo thêm cơ hội đầu tư của nhà đầu tư, cần thiết xem xét mở rộng quy định về tài sản góp vốn tại Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 105, 106 và 107 của Bộ luật Dân sự.

3. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện pháp luật về tài sản góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài

Để hoàn thiện pháp luật về tài sản góp vốn đầu tư, tác giả đề xuất bổ sung các quy định về tài sản góp vốn tại Điều 34 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Điều 105, 106 và 107 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đối với các loại tài sản góp vốn sau:

Một là, tài sản có giá trị trong tương lai: Việc ghi nhận tài sản có giá trị trong tương lai là một trong những loại tài sản góp vốn đầu tư là cực kỳ quan trọng và mang lại nhiều lợi ích cho nhà đầu tư trong và ngoài nước, giúp hỗ trợ, mở rộng các cơ hội đầu tư, kích lệ sự phát triển của doanh nghiệp. Tài sản có giá trị trong tương lai có một số đặc điểm quan trọng sau: (i) Có tiềm năng sinh lời cao; (ii) Giá trị định giá thấp hơn so với tài sản có giá trị hiện tại; (iii) Giúp hỗ trợ tăng trưởng kinh doanh của doanh nghiệp; (iv) Đẩy mạnh sự đa dạng hoá nguồn vốn; (v) Hỗ trợ bền vững và phát triển dài hạn.

Một số loại tài sản có giá trị trong tương lai thường gặp ngày nay như: (1) Các dự án đầu tư mới hoặc mở rộng trong các lĩnh vực như công nghiệp, năng lượng tái tạo, phát triển đô thị, hạ tầng giao thông hay công nghệ thông tin...; (2) Doanh thu và lợi nhuận trong tương lai có tiềm năng tăng trưởng; (3) Bằng sáng chế và quyền sở hữu trí tuệ, các sản phẩm sáng tạo khác...; (4) Quỹ đất và bất động sản có tiềm năng phát triển và tăng trưởng trong tương lai; (5) Công nghệ tiên tiến và nghiên cứu phát triển mới...

Mặc dù tài sản có giá trị trong tương lai có nhiều ưu điểm và phù hợp với xu thế phát triển kinh tế giai đoạn hiện nay, tuy nhiên, nó cũng tiềm tàng nhiều hạn chế và rủi ro, yêu cầu các nhà làm luật cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng, thấu đáo và đảm bảo phủ hết các khả năng có thể xảy ra khi áp dụng loại tài sản này như một tài sản góp vốn đầu tư. Nếu không kiểm soát chặt chẽ, sử dụng tài sản góp vốn là tài sản có giá trị trong tương lai có thể đối diện với những thất bại, không đạt được các kết quả như dự đoán ban đầu, dẫn đến không đạt được lợi nhuận và kỳ vọng như mong đợi. Các rủi ro về thị trường và điều kiện kinh doanh có thể thay đổi không lường trước được và ảnh hưởng đến giá trị, hiệu suất của loại tài sản này. Các yếu tố kinh tế, chính trị, văn hóa và công nghệ cũng có thể tác động đến thành công của các dự án và hoạt động kinh doanh của dự án.

Hai là, hợp đồng và quyền sử dụng tài sản: Đây là một hình thức đầu tư linh hoạt và mang lại nhiều lợi ích cho nhà đầu tư và doanh nghiệp đón nhận đầu tư. Với xu hướng kinh tế ngày càng phát triển và năng động, đây có thể là một loại tài sản có thể sử dụng để thực hiện hoạt động góp vốn đầu tư như các loại tài sản khác

đang được pháp luật ghi nhận. Việc sử dụng hợp đồng và quyền sử dụng tài sản để góp vốn có một số đặc điểm lợi thế sau:

Góp vốn bằng hợp đồng: Đây là một loại tài sản góp vốn có tính linh hoạt và đa dạng cao, các bên có thể đưa ra các cam kết và điều kiện một cách cụ thể, dựa trên sự đồng thuận của các bên tham gia và lợi ích chung. Nội dung cần xác định rõ vai trò và trách nhiệm của mỗi bên trong dự án, và trên tinh thần thiện chí, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hợp tác đầu tư. Dựa trên hợp đồng góp vốn, doanh nghiệp có thể được hưởng lợi từ chuyên môn và tài năng của nhà đầu tư, tận dụng những điểm mạnh sẵn có nhằm nâng cao giá trị hoạt động, tạo sự cạnh tranh trên thị trường. Một số ví dụ về các loại hợp đồng có thể sử dụng để góp vốn đầu tư: Hợp đồng về quyền sử dụng bản quyền, hợp đồng về quyền thuê tài sản, hợp đồng kinh doanh một sản phẩm đặc thù, hợp đồng về quyền sử dụng công nghệ...

Đây là một loại tài sản góp vốn mà theo tác giả đánh giá là khá mới mẻ đối với thị trường kinh doanh. Mặc dù nó đã nổi bật được những ưu điểm, lợi thế nhất định trong hoạt động góp vốn đầu tư, song để sử dụng và áp dụng trong thực tiễn, nhà làm luật cần có các góc độ nghiên cứu, đánh giá và phân tích kỹ lưỡng những bất cập có thể xảy ra trong quá trình hoạt động thực tiễn. Chính sách ban hành cũng cần xác định rõ các điều khoản và điều kiện trong hợp đồng, đảm bảo việc khai thác hiệu quả, giúp mở rộng và đa dạng hoá sự lựa chọn tài sản góp vốn, tăng tính hấp dẫn và thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp với bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay.

Góp vốn bằng quyền sử dụng tài sản: Đây là hình thức mà theo đó, nhà đầu tư sẽ cung cấp quyền sử dụng hoặc quyền

thuê tài sản cho doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư. Góp vốn bằng cách này sẽ không chuyển giao quyền sở hữu tài sản, chỉ cung cấp quyền sử dụng hoặc quyền thuê tài sản trong một khoảng thời gian nhất định, tùy theo điều kiện của hợp đồng. Góp vốn bằng quyền sử dụng tài sản giúp đa dạng hoá nguồn vốn đầu tư, doanh nghiệp không cần phải chi tiêu một lượng chi phí lớn để mua tài sản mà có thể sử dụng quyền sử dụng hoặc quyền thuê đối với các tài sản có sẵn. Cũng bởi không sở hữu trực tiếp tài sản nên doanh nghiệp sẽ tránh được các rủi ro về tài sản như các hạng mục quản lý và bảo trì, khi tài sản giảm giá trị, khấu hao, nhà đầu tư không phải chịu trách nhiệm chính về vấn đề này. Hình thức này thường đi kèm với các hợp đồng kinh doanh hoặc các quyền sử dụng các dịch vụ hỗ trợ từ chủ sở hữu của tài sản, giúp tăng cường hợp tác giữa các đối tác doanh nghiệp, giảm chi phí đầu tư ban đầu so với việc mua tài sản mới. Điều này đặc biệt hữu ích đối với những nhà đầu tư muốn thử nghiệm hoạt động kinh doanh mới hoặc giảm thiểu các rủi ro về tài chính khi góp vốn đầu tư.

Mặc dù việc góp vốn bằng quyền tài sản đáp ứng được hầu hết các yêu cầu về tài sản góp vốn đầu tư và có nhiều ưu điểm nổi trội nhất định, tuy nhiên, cũng còn một số hạn chế mà nhà làm luật cần nghiên cứu kỹ, thấu đáo và rà soát được hết các khả năng rủi ro có thể xảy ra để có các phương án kiểm soát pháp luật phù hợp. Một số rủi ro có thể thấy như rủi ro về quyền sở hữu, bởi nhà đầu tư không nắm kiểm soát trực tiếp tài sản hoặc không chuyển quyền quản lý hoặc tái sử dụng tài sản theo ý muốn của mình, nên việc góp vốn sẽ phụ thuộc vào quyết định của bên cho thuê hoặc sở hữu

tài sản. Nếu bên này thay đổi chính sách hoặc quyết định thu hồi tài sản, nhà đầu tư có thể mất đi quyền sử dụng tài sản. Một trong những hạn chế rõ ràng nhất đối với loại tài sản này là không thể thế chấp tài sản để đảm bảo cho các khoản vay hoặc nợ, sẽ hạn chế khả năng vay vốn của doanh nghiệp. Và do không trực tiếp sở hữu tài sản, nhà đầu tư cũng có thể bị ràng buộc trong việc quản lý hoặc điều hành tài sản theo ý muốn. Điều này có thể làm giảm khả năng tham gia vào quyết định kinh doanh và ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động cũng như không thể chuyển nhượng tài sản một cách dễ dàng được.

Ba là, góp vốn bằng giá trị lao động chất lượng cao: Nhà đầu tư không chỉ góp vốn bằng tài chính hay các loại hình tài sản góp vốn khác theo quy định pháp luật hiện hành, mà còn có thể đóng góp bằng giá trị lao động, kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm chuyên môn của họ vào doanh nghiệp hoặc dự án đầu tư. Đây là một hình thức đầu tư đòi hỏi sự đóng góp nhiều hơn là chỉ sử dụng vốn, tài chính, cần sự tận tâm và đóng góp triệt để khả năng, trình độ từ bản thân nhà đầu tư cho dự án, doanh nghiệp. Góp vốn bằng giá trị lao động chất lượng cao có một số đặc điểm nổi bật như sau: (i) Trình độ chuyên môn và chất lượng lao động cao; (ii) Những cam kết lâu dài; (iii) Hỗ trợ xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng; (iv) Hỗ trợ trong công tác điều hành và quản lý doanh nghiệp.

Hệ thống các quy định pháp luật về tài sản góp vốn của nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam hiện nay đã có những cải thiện đáng kể, phù hợp và thuận lợi hơn cho các nhà đầu tư khi muốn đầu tư vào Việt Nam, đồng thời cũng thuận tiện hơn cho công tác quản lý của các cơ quan nhà

nước liên quan. Tuy nhiên, thực tế hoạt động vẫn còn tồn tại những bất cập và hạn chế như nội dung đã phân tích nêu trên, cần được nghiên cứu và giải quyết, đưa ra các định hướng, giải pháp phù hợp với giai đoạn thực tiễn hiện nay, xây dựng hệ thống pháp lý hoàn thiện hơn, tạo môi trường thu hút và hấp dẫn đầu tư cho các nhà đầu tư nước ngoài. Quy định pháp luật về tài sản góp vốn còn hạn chế, chưa cập nhật kịp thời với bối cảnh kinh tế hiện tại sẽ dẫn đến việc đẩy thứ hạng về môi trường kinh doanh đầu tư của Việt Nam thấp xuống so với khu vực. Do đó, nhu cầu về hoàn thiện hành lang pháp lý kịp thời là vô cùng cần thiết và quan trọng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhà đầu tư nước ngoài được phép góp vốn bằng ngoại tệ nào? Nguồn: <https://baochinhphu.vn/nha-dau-tu-nuoc-ngoai-duoc-phep-gop-von-bang-ngoai-te-nao-102220628144326251.htm>, truy cập ngày 05/9/2023.
2. Điều kiện, thủ tục góp vốn bằng quyền sử dụng đất. Nguồn: <https://baochinhphu.vn/dieu-kien-thu-tuc-gop-von-bang-quyen-su-dung-dat-102230713130517924.htm>, truy cập ngày 05/9/2023.
3. Đoàn Thu Hồng, *Góp vốn thành lập doanh nghiệp bằng quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ ngành Luật Kinh tế, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2012. Nguồn: https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/7131/1/00050001964.pdf, truy cập ngày 05/9/2023.
4. Rủi ro, bất cập khi khai thác công nghệ thông qua hình thức góp vốn. Nguồn: <https://phaply.net.vn/rui-ro-bat-cap-khi-khai-thac-cong-nghe-thong-qua-hinh-thuc-gop-von-a252797.html>, truy cập ngày 05/9/2023.